TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/DS-ST
Ngày: 05 - 5 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Sâm

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Cao Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:* Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1975, địa chỉ: Thôn E, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hoa; Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Ninh Văn S, sinh năm 1997, địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16 tháng 12 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Anh và anh Ninh Văn S có quan hệ họ hàng (vợ anh S gọi anh Đ là chú rễ), nên có quen biết với nhau. Vào ngày 20/11/2020 anh S nói với anh là cần tiền để nhập hàng nhôm kính, thời điểm đó anh S đang mở cửa hàng

nhôm kính, nên có hỏi vay anh 40.000.000 đồng, hẹn đúng 01 tháng sau sẽ trả nợ. Anh tin tưởng nên có cho anh S vay 40.000.000 đồng, khi vay tiền anh S có ký giấy vay tiền đưa anh giữ, giấy vay tiền trên anh đã giao nộp cho Tòa án. Đến hẹn trả nợ, anh S không trả tiền cho anh, nên anh đã tìm gặp anh S nhiều lần để đòi nợ, nhưng anh S cứ khất lần, trây ỳ, lẩn tránh không trả nợ cho anh. Trước khi khởi kiện ra Tòa án, anh có làm đơn đề nghị Công an huyện T giải quyết, thì Công an huyện có trả lời là vụ việc không có dấu hiệu tội phạm, nên hướng dẫn anh khởi kiện ra Tòa án giải quyết. Nay anh đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh S phải trả nợ cho anh số tiền 40.000.000 đồng; không yêu cầu tính lãi suất.

Qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn là anh Ninh Văn S, nhưng anh S đều vắng mặt không có lý do, cũng không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Tòa án không lấy được lời khai.

Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ tại Công an huyện T trong quá trình giải quyết đơn thư của anh Nguyễn Văn Đ theo quy định. Ngày 18/4/2023 Công an huyện T có Công văn số 346/CATX trả lời Tòa án và cung cấp các tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết đơn thư. Về kết quả xác minh như sau: Ngày 20/11/2020 anh Nguyễn Văn Đ cho anh Ninh Văn S vay số tiền 40.000.000đ. Khi cho vay có làm giấy biên nhận và có chữ ký của anh Đ, anh S; không thỏa thuận về lãi suất. Viên vay mượn tiền giữa anh Đ và anh S là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc hay lừa dối. Qua làm việc với anh S, xác định anh S thừa nhận việc đã vay tiền của anh Đ, do khó khăn về kinh tế nên chưa trả tiền, đã xin khất nhiều lần. Anh S hiện đang làm ăn sinh sống tại địa phương. Kết luận: Không đủ cơ sở xác định vụ việc có dấu hiệu tội phạm.

Tại phiên tòa hôm nay anh Ninh Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, thể hiện việc tuân thủ pháp luật không nghiêm túc.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, 119, 280, 351, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ, buộc anh Ninh Văn S phải trả nợ cho anh Nguyễn Văn Đ số tiền 40.000.000 đồng. Về án phí: Bị

đơn anh Ninh Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn là anh Ninh Văn S, cư trú tại thôn A, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Qúa trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Ninh Văn S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ thấy rằng: Giấy vay tiền, đề ngày 20/11/2020 do anh Nguyễn Văn Đ xuất trình, có thể hiện nội dung: "ngày 20/11/2020 Ninh Văn S, sinh năm 1997, trú quán xóm A, Q, T, Thanh Hóa vay của Nguyễn Văn Đ 40.000.000đ; hẹn vay tạm 1 tháng từ 20/11 đến tháng 12 trả đầy đủ số tiền nợ; có chữ ký người vay tiền Ninh Văn S, người cho vay tiền Nguyễn Văn Đ". Giấy vay tiền, đề ngày 20/11/2020 được xác lập theo điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, có nội dung phù hợp, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên có hiệu lực pháp luật, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên trong giao dịch dân sự.

Qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Ninh Văn S1 theo quy định, anh S biết được việc Tòa án đang giải quyết vụ án theo yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ đòi nợ anh Ninh Văn S số tiền 40.000.000 đồng, nhưng anh S luôn vắng mặt, không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh Đ, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án để chứng minh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, đây là lỗi của anh S. Tòa án tiến hành thu thập các tài liệu chứng cứ tại Công an huyện T trong quá trình giải quyết đơn thư của anh Nguyễn Văn Đ, các tài liệu gồm Bản tự khai ngày 07/10/2022, Biên bản ghi lời khai ngày 07/10/2022 của anh Ninh Văn S đều thể hiện nội dung: Anh S đều thừa nhận vào tháng 11/2020 có vay của anh Nguyễn Văn Đ số tiền 40.000.000đ, hẹn 1 tháng sẽ trả nợ, khi vay có viết giấy vay tiền. Do có khó khăn về kinh tế, nên chưa trả được nợ cho anh Đ. Anh S cam kết sẽ trả nợ cho anh Đ.

Từ những phân tích trên, có cơ sở khẳng định: Ngày 20/11/2020 anh Ninh Văn S có vay của anh Nguyễn Văn Đ số tiền 40.000.000 đồng. Do anh S vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, nên việc anh Đ khởi kiện đòi nợ là có cơ sở, được

chấp nhận. Do đó cần buộc anh Ninh Văn S phải trả nợ cho anh Nguyễn Văn Đ số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng.

[3] Về yêu cầu tính lãi: Qúa trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn Đ không có yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nợ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Đ được chấp nhận, nên bị đơn là anh Ninh Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí, nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Vê quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 6 Điều 19, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Đ.

Buộc anh Ninh Văn S phải trả cho anh Nguyễn Văn Đ số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng *(bốn mươi triệu đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Anh Ninh Văn S phải nộp 2.000.000 đồng *(hai triệu đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho anh Nguyễn Văn Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 đồng *(một triệu đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0014563 ngày 09/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Minh Tiến